TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-PT
Ngày: 16-9-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Trần Thị Ánh Tuyết.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2019/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 131/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 71/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng A; Địa chỉ: 89 L1, phường L1, quận Đ1, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ - VP Bank hội sở kiêm Phó Tổng giám đốc VP Bank AMC; Theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành T: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Chuyên viên Phòng Xử lý nợ KHDN phía Nam; Theo văn bản ủy quyền số 30641/2019/UQ-PTGĐ ngày 12/8/2019.

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 C1, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Ông Đặng Ngọc M, sinh năm 1978 – Chủ Doanh nghiệp X;

Địa chỉ và nơi cư trú: Thôn 01, xã Đ2, huyện L, tỉnh Bình Thuận;

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn 01, xã Đ2, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

4/ Người kháng cáo: Nguyên đơn - Ngân hàng A.

5/ Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt: Ông Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2016, Doanh nghiệp X (sau đây gọi là Doanh nghiệp X) do ông Nguyễn Ngọc M vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Bến Thành (sau đây gọi là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0075/HĐTD, ngày 06/6/2016 với khế ước nhận nợ số tiền vay là 453.750.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng với mục đích thanh toán tiền mua ô tô tải Trường Giang, lãi suất 7,5% cho năm đầu tiên, năm kế tiếp lãi suất cho vay thông thường; hình thức trả nợ là thanh toán gốc và lãi theo từng tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 chiếc xe ô tô tải hiệu Trường Giang, biển số 86C-072.51, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007499 do Công an Bình Thuận cấp ngày 02/6/2016 thuộc quyền sử dụng của Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Thái. Ngoài ra, ông Đặng Ngọc M và vợ là bà Nguyễn Thị Kim H còn bảo lãnh đối với khoản vay trên của Doanh nghiệp Xvới phạm vi bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Đặng Ngọc M và bà Nguyễn Thị Kim H theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký với ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Doanh nghiệp X không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như cam kết trong hợp đồng tín dụng; mặc dù ngân hàng đã nhiều lần liên hệ để giải quyết nhưng Doanh nghiệp X vẫn không hợp tác, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả tiền đã vay cho ngân hàng. Dư nợ gốc tính đến ngày 29/11/2018 là 164.288.645 đồng và tổng lãi tạm tính đến ngày 29/11/2018 là 22.803.572 đồng. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Doanh nghiệp X trả ngay một lần số tiền nợ gốc 164.288.645 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp

Doanh nghiệp X không thanh toán số nợ trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là 01 chiếc xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu Trường Giang, số loại DFM YC7TF4x4/TD2, biển số 86C-072.51 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Doanh nghiệp X theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007499 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/6/2016. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Đặng Ngọc M, bà Nguyễn Thị Kim H tiếp tục liên đới thanh toán số nợ trên.

Ngân hàng cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Văn bản ủy quyền, hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng thế chấp xe ô tô, giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty cổ phần, văn bản ủy quyền, quyết định kiêm nhiệm chức danh nhân sự, điều lệ ngân hàng và bản tự khai.

Quá trình xác minh thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án thể hiện: Doanh nghiệp Xhiện nay vẫn còn hoạt động; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là ông Đặng Ngọc M, sinh năm 1978, có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn 1, xã Đ2, huyện L; mặc dù đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông Đặng Ngọc M vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Thời điểm năm 2016, bà với ông Đặng Ngọc M là vợ chồng. Tháng 7/2018 bà đã được Tòa án nhân dân huyện L giải quyết ly hôn với ông M theo bản án số 40/2018/HNGĐ-ST, ngày 19/7/2018. Năm 2016, bà và ông M có mua chiếc xe ôtô tải ben do Doanh nghiệp X đứng tên; khi mua xe trả góp tiền qua Ngân hàng nên bà H mới cùng ông M ký các hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh với ngân hàng, còn việc trả tiền và sử dụng xe như thế nào thì do ông M thực hiện, bà không biết, cũng không liên quan trong khoản nợ mà Ngân hàng khởi kiện. Bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện L đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 03/2018/KDTM-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018, quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 342, 350, 471 và 474 Bộ luật dân sự 2005;

- Các Điều 183, 185 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc ông Đặng Ngọc M và bà Nguyễn Thị Kim H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho VPBank số tiền 187.092.217 đồng; trong đó nợ gốc 164.288.645 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/11/2018 là 22.803.572 đồng. Chia phần ông M và bà H mỗi người phải trả cho VPBank số tiền 93.546.108 đồng.

Kể từ ngày xét xử (29/11/2018) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu lãi suất trên nợ gốc theo thỏa thuận giữa hai bên trong hợp đồng tín dụng.

- Buộc VPBank phải hoàn trả cho Doanh nghiệp X giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007499, ngày 02/6/2016 đã nhận thế chấp.

- Về án phí:

+ Buộc ông Đặng Ngọc M và bà Nguyễn Thị Kim H phải liên đới nộp 9.354.610 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chia phần, ông M và bà H mỗi người phải nộp 4.677.305 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho VPBank số tiền 9.056.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0012859, ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2018, Tòa án nhân dân huyện L ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2018/QĐ-SCBSBA với nội dung sửa chữa, bổ sung Bản án như sau: Tại dòng thứ 9 đến thứ 10, từ trên xuống, trang số 5 của bản án đã ghi: "Vào ngày 6/6/2016 Doanh nghiệp X do ông Nguyễn Ngọc M vay vốn tại VPBank với số tiền 453.750.000 đồng…". Nay sửa chữa, bổ sung như sau: Vào ngày 6/6/2016 Doanh nghiệp Xdo ông Đặng Ngọc M vay vốn tại VPBank với số tiền 453.750.000 đồng…". Tại dòng thứ 8 đến thứ 12, từ trên xuống, trang số 6 của bản án đã ghi: "Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc ông Đặng Ngọc M và bà Nguyễn Thị Kim H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho VPBank số tiền 187.092.217 đồng, trong đó nợ gốc 164.288.645 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/11/2018 là 22.803.572 đồng. Chia phần ông M và bà H mỗi người phải trả cho VPBank số tiền 93.546.108 đồng". Nay sửa chữa bổ sung như sau: "Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc Doanh nghiệp X do ông Đặng Ngọc M là chủ doanh nghiệp phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim H trả cho VPBank số tiền 187.092.217 đồng, trong đó nợ gốc 164.288.645 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/11/2018 là 22.803.572 đồng".

Ngày 13/12/2018, Ngân hàng A kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung:

- Đơn khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Ngọc M – Chủ Doanh nghiệp X phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 187.092.217đ. Tuy nhiên Tòa án cấp

sơ thẩm lại tuyên buộc ông M và bà Nguyễn Thị Kim H phải liên đới trả nợ và chia phần mỗi người phải trả nợ cho Ngân hàng 93.546.108 đồng là không đúng.

- Tòa án tuyên buộc Ngân hàng phải trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 007499, ngày 02/6/2016 đã thế chấp là không đúng. Ngân hàng chỉ trả lại giấy chứng nhận đăng ký ôtô khi bị đơn và bà Nguyễn Thị Kim H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Bản án sơ thẩm không tuyên Ngân hàng quyền được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp, gây khó khăn cho việc thi hành án và không đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng.

Do đó Ngân hàng yêu cầu tuyên buộc Doanh nghiệp X phải trả 01 lần cho Ngân hàng số tiền gốc quá hạn và nợ lãi quá hạn là 187.092.217 đồng. Trường hợp Doanh nghiệp X không thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì buộc ông Đặng Ngọc M và bà Nguyễn Thị Kim H tiếp tục thanh toán khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 422/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đã kháng nghị Bản án với nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên buộc Doanh nghiệp X do ông Đặng Ngọc M là người đại diện theo pháp luật trả cho Ngân hàng số tiền 187.092.217 đồng gồm nợ gốc và lãi vay phát sinh theo hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ lập ngày 06/6/2016. Kể từ ngày 30/11/2018, tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

- Nếu Doanh nghiệp X không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ôtô số SME/BEN/16/0075/HĐTD, ngày 06/6/2016 để thực hiện nghĩa vụ.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc Doanh nghiệp X do ông Đặng Ngọc M là người đại diện theo pháp luật phải nộp 9.354.610 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hủy Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2018/QĐST-SCBSBA ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ngân hàng vẫn giữ nguyên kháng cáo và cung cấp tài liệu mới là uỷ nhiệm chi của Doanh nghiệp X chuyển tiền vào Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Hoàng và tài liệu đăng ký thế chấp tài sản là xe ô tô của Doanh nghiệp X cho ngân hàng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Doanh nghiệp X do ông Đặng Ngọc M đại diện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H không kháng cáo và vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án, Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; Người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng và kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm theo hướng như nội dung Kháng nghị và hủy Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đặng Ngọc M là chủ của Doanh nghiệp X và bà Nguyễn Thị Kim H đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa ngày 06/8/2019, ngày 20/8/2019 và ngày 16/9/2019 nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án cấp phúc thẩm không nhận được thông tin, tài liệu thể hiện các đương sự này vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khach quan. Căn cứ đoạn 4 khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt hai đương sự này.

[2] Về việc áp dụng pháp luật, các bên đương sự tranh chấp hợp đồng tín dụng được ký kết giữa một bên là Ngân hàng thương mại, một bên là doanh nghiệp nên phải áp dụng pháp luật về tổ chức tín dụng để giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các văn bản pháp luật trên để giải quyết tranh chấp là thiếu sót trong áp dụng pháp luật. Ngoài ra, khi áp dụng pháp luật về án phí, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ ghi "Áp dụng Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án" mà không chỉ rõ áp dụng điểm, khoản, Điều nào của Nghị quyết là áp dụng pháp luật không cụ thể. Tòa án cấp phúc thẩm viện dẫn các văn bản pháp luật trên để giải quyết tranh chấp nên các thiếu sót này đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục.

[3] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông Đặng Ngọc M là người đại diện của Doanh nghiệp Xvà người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H để tham gia tố tụng nhưng các đương sự này đều vắng mặt không có lý do. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vắng mặt hai đương sự này là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về tư cách của bị đơn, tại Đơn khởi kiện, Ngân hàng xác định người bị kiện là Doanh nghiệp X. Vì Doanh nghiệp X là doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về hoạt động của doanh nghiệp theo Điều 183 Luật Doanh nghiệp nên khi tham gia tố tụng phải

xác định ông Đặng Ngọc M - Chủ Doanh nghiệp X là bị đơn trong vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 185 Luật Doanh nghiệp. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu Ngân hàng sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo quy định trên để xác định đúng tư cách của bị đơn mà vẫn thụ lý và xác định bị đơn là Doanh nghiệp X là nhầm lẫn trong xác định tư cách đương sự. Thiếu sót này không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do Doanh nghiệp X là Doanh nghiệp tư nhân nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng.

[5] Do bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm căn cứ tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và do Tòa án thu thập được để giải quyết tranh chấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0075/HDTD ngày 06/6/2016 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng với bên vay là ông Đặng Ngọc M chủ Doanh nghiệp X; căn cứ khế ước nhận nợ số SME/BEN/16/0075/HDTD ngày 06/6/2016 giữa bên vay là ông Đặng Ngọc M chủ Doanh nghiệp với bên cho vay là Ngân hàng; căn cứ Ủy nhiệm chi ngày 06/6/2016 của Doanh nghiệp X ủy nhiệm cho Ngân hàng đủ căn cứ để xác định ông Đặng Ngọc M với tư cách chủ Doanh nghiệp X đã ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng với nội dung: Số tiền vay 453.750.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng để thanh toán tiền mua xe ô tô tải tự đổ 02 cầu nhãn hiệu Trường Giang tại Công ty B; Lãi suất 7,5 % cho năm đầu tiên, năm kế tiếp lãi suất cho vay thông thường; hình thức trả nợ thanh toán gốc và lãi theo từng tháng; trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc hoặc kỳ trả lãi được coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn vay. Căn cứ tài liệu Ngân hàng đã giải ngân tiền vay ngày 06/6/2016 thể hiện tại Ủy nhiệm chi của Doanh nghiệp X ngày 06/6/2016 với số tiền 453.750.000 đồng được Ngân hàng chuyển cho Công ty B để thanh toán tiền mua xe ô tô tải Trường Giang đủ cơ sở để xác định ông Đặng Ngọc M chủ Doanh nghiệp X đã nhận tiền vay theo hợp đồng là 453.750.000 đồng.

[7] Căn cứ các chứng từ trả nợ đứng tên Doanh nghiệp X thể hiện tại Bảng kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp thì Doanh nghiệp đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi tại kỳ trả nợ thứ 26 như đã ký kết tại hợp đồng nên Ngân hàng có quyền khởi kiện đòi nợ trước thời hạn mà không cần chờ đến khi kết thúc thời hạn vay. Cũng căn cứ các chứng từ nêu trên có cơ sở để xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/11/2018 ông Đặng Ngọc M còn nợ ngân hàng 187.092.217 đồng, trong đó nợ gốc là 164.288.645 đồng và nợ lãi là 22.803.572 đồng; phía bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ đã trả hết nợ nên Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nguyên đơn 187.092.217 đồng là đúng quy định.

[8] Như nhận định tại mục [7] thì trong trường hợp chậm thi hành nghĩa vụ trả nợ, thì bị đơn còn phải trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành kể từ ngày tiếp

theo của ngày tuyên án là ngày 30/11/2018. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trong phần Quyết định "Buộc bị đơn chịu lãi chậm trả từ 29/11/2018…" là không đúng quy định về thời điểm tính lãi.

[9] Ngày 04/6/2016, ông Đặng Ngọc M là chủ Doanh nghiệp X cùng vợ là bà Nguyễn Thị Kim H đứng tên bên thế chấp đã ký hợp đồng số SME/BEN/16/0075/HĐTC thế chấp tài sản của Doanh nghiệp X là xe ô tô tải biển số 86C-072.51 cho Ngân hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, Ngân hàng đã giữ Giấy chứng nhận đăng ký ô tô của bên vay, Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký thế chấp ngày 06/6/2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí M. Nội dung hợp đồng thế chấp thể hiện: Các bên thống nhất thỏa thuận rằng bên Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ ngay khi xảy ra trường hợp bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các văn kiện tín dụng đã ký với bên Ngân hàng. Thỏa thuận này của ông Đặng Ngọc M, bà Nguyễn Thị Kim H với Ngân hàng phù hợp với quy định tại các Điều 336, 338, 350, 355 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên khi bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp phải được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm không giành quyền xử lý tài sản thế chấp cho ngân hàng là áp dụng không đúng pháp luật. Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định, không quyết định về hiệu lực của hợp đồng thế chấp, nhưng lại tuyên buộc Ngân hàng phải giao trả giấy tờ của tài sản thế chấp (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô) là không phù hợp với thỏa thuận của hai bên đã ký kết về xử lý tài sản thế chấp, xâm phạm quyền tự định đoạt của đương sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng.

[10] Về thứ tự thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng; Ngày 06/6/2016, ông Đặng Ngọc M và bà Nguyễn Thị Kim H đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng số SME/BEN/16/0075/HĐBL ngày 06/6/2016, bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ của Doanh nghiệp Xđối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên. Căn cứ Điều 299, 323, 342, 361 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 5, 7, 8 Hợp đồng thế chấp; Điều 8, 9 Hợp đồng tín dụng nêu trên và cam kết của ông Đặng Ngọc M, bà Nguyễn Thị Kim H tại Hợp đồng bảo lãnh thì nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng được thực hiện theo thứ tự như sau: Trước tiên là ông Đặng Ngọc M với tư cách là chủ Doanh nghiệp X (bị đơn), trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ thì ông M và bà H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả nợ cho Doanh nghiệp X. Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết theo thứ tự trên mà buộc ông M và bà H liên đới trả nợ, chia phần mỗi người 1/2 nghĩa vụ là vi phạm về đối tượng phải trả nợ theo quy định pháp luật nêu trên.

[11] Về nghĩa vụ nộp án phí, do Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng đối tượng trả nợ nên dẫn đến buộc ông M, bà H phải chịu án phí là không đúng quy định.

[12] Về Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án; Ngày 12/12/2018, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định số 03/2018/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung bản án đã tuyên. Theo đó, đã sửa cụm từ "Buộc ông Đặng Ngọc M và bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ liên đới trả cho VPBank số tiền …" thành cụm từ "*Doanh nghiệp X do ông Đặng Ngọc M là chủ doanh nghiệp* phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim H trả cho VPBank số tiền…" việc sửa chữa bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã làm thay đổi chủ thể có nghĩa vụ thi hành án, từ cá nhân ông Đặng Ngọc M thành Doanh nghiệp X là hai chủ thể không giống nhau về phạm vi nghĩa vụ nên việc sửa chữa, bổ sung bản án là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự.

[13] Với nhận định trên, kháng cáo của Ngân hàng và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận là có căn cứ và được chấp nhận. Do kháng cáo được chấp nhận nên Ngân hàng không phải nộp án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận; Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Đặng Ngọc M chủ Doanh nghiệp X trả cho Ngân hàng A số tiền 187.092.217 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn hai trăm mười bảy đồng*), gồm nợ gốc 164.288.645 đồng và 22.803.572 đồng lãi vay phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ lập ngày 06/6/2016.

1.2. Kể từ ngày 30/11/2018, ông Đặng Ngọc M phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng A theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số SME/BEN/16/0075/HDTD ngày 06/6/2016 tương ứng với thời gian chậm trả trên số tiền nợ gốc 164.288.645 đồng.

1.3. Trường hợp ông Đặng Ngọc M chủ Doanh nghiệp X không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ nghĩa vụ tại mục 1.1 và 1.2 nêu trên thì Ngân hàng A

có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô tải tự đổ 02 cầu nhãn hiệu Trường Giang biển số 86C-072.51 đứng tên chủ xe là Doanh nhiệp tư nhân dịch vụ Vận tải và Xây dựng Ngọc Thái, theo Hợp đồng thế chấp số SME/BEN/16/0075/HĐTC ngày 04/6/2016 để thu hồi nợ.

1.4. Trường hợp tài sản bảo đảm nêu tại mục 1.3 không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A thì buộc ông Đặng Ngọc M và bà Nguyễn Thị Kim H phải tiếp tục liên đới trả số nợ còn lại cho Ngân hàng A.

2. Hủy quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2018/QĐ-SCBSBA, ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Về án phí:

- Buộc ông Đặng Ngọc M chủ Doanh nghiệp X phải nộp 9.354.610 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 9.056.000đ tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số N. 0012859 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

- Hoàn trả cho Ngân hàng A tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng, theo biên lai số 0013037 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/9/2019.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TA, THA cấp huyện;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP - Tòa án tỉnh;
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiệp Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Tuyết – Nguyễn Thị Lan **Nguyễn Thị Hiệp Hòa**